TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2017/HNGĐ-ST
Ngày 19-10-2017.
V/V "Tranh chấp kiện ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Duy.

Các *Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa:Bà Trần Thị Chính – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 109/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đặng Thị N, sinh năm 1985.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1984.

Đều ở địa chỉ: tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Phiên toà có chị N, anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị N có quan điểm:

Chị và anh Nguyễn Việt D lấy nhau là tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 3 tháng, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Đăng ký kết hôn ngày 17/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng sung sống hòa thuận đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là do anh D làm quản lý quán Karaoke nên đã có quan hệ bất chính với khách đến hát, chị N phát hiện có khuyên bảo thì anh D chửi bới và đánh, chị đã trình báo với Công an phường về việc xô sát của vợ chồng. Sau khi Công an phường đến làm việc anh D có hứa thay đổi để giữ gìn hạnh phúc gia đình nhưng thực chất vẫn không dừng lại mà tiếp tục qua lại với

người phụ nữ khác. Khi thấy chồng không thay đổi chị thưa chuyện với bố mẹ chồng nhưng tình hình cũng không cải thiện. Cuộc sống vợ chồng rất ngột ngạt đến tháng 02/2017 chị đã ra ngoài thuê nhà ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Quá trình sống ly thân đã được chính quyền địa phương và gia đình khuyên bảo và hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh Nguyễn Việt D.

* Tại biên bản tự khai và lời khai tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Việt D có quan điểm:

Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị N khai là đúng. Anh xác nhận anh và chị Đặng Thị N kết hôn là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị N đã tự ý ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3 năm 2017 cho đến nay. Thời gian sống ly thân anh đã gặp gỡ chị N và mong muốn chị N bỏ qua cho lỗi lầm của mình vợ chồng về chung sống để các con có cả bố và mẹ nhưng chị N không bỏ qua. Nay chị N xin ly hôn anh xét thấy không thể đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo Ng (con gái), sinh ngày 19/10/2009 và Nguyễn Đặng Thanh V (con gái), sinh ngày 26/02/2015. Hiện Nguyễn Bảo Ng đang ở với anh D, Nguyễn Đặng Thanh V đang ở với chị N. Khi ly hôn chị N xin nuôi cháu V không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D xin nuôi cả hai con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có, hiện chị N không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, riêng và công nợ, công sức đóng góp: Vợ chồng tự thống nhất thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm về con chung. Anh D thay đổi quan điểm về con chung, mỗi người nuôi một con chung.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Tuy nhiên, thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện không đúng quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thẩm tra viên tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị N. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Việt D.

2/ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận các đương sự: Giao chị Đặng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Đặng Thanh V, sinh ngày 26/02/2015. Giao anh Nguyễn Việt D trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 19/10/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí sơ thẩm: chị N, anh D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. HĐXX, thấy:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Việt D là hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 17/12/2008 tại UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đặng Thị N, Hội đồng xét xử thấy:

Sau khi kết hôn chị N, anh D chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn đánh cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2017 cho đến nay là có thật được đôi bên thừa nhận. Thời gian sống ly thân cả hai bên đã có giải pháp khắc phục nhưng không có kết quả. Nay chị N xin ly hôn anh D xét thấy mâu thuẫn trầm trọng không thể đoàn tụ được nên nhất trí ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo Ng, sinh ngày 19/10/2009 và cháu Nguyễn Đặng Thanh V, sinh ngày 26/02/2015. Tại phiên tòa các bên đương sự đã thống nhất được với nhau về việc nuôi con chung. Cụ thể chị Đặng Thị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đặng Thanh V; anh Nguyễn Việt D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bảo Ng. Không bên nào phải đóng góp nuôi con chung cho bên nào. Sự thỏa thuận của các bên đương sự về con chung là phù hợp với thực tế và pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Con nuôi, con riêng vợ chồng thống nhất không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện chị N không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, riêng, công nợ và công sức đóng góp: chị N và anh D thống nhất tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị N, anh D mỗi người phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N xin nộp toàn bộ án phí.

Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 143; điều 144; điều 147; điều 271; điều 273; điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 55, 57, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Việt D.

2/ Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự. Giao chị Đặng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Nguyễn Đặng Thanh V (con gái), sinh ngày 26/02/2015. Giao anh Nguyễn Việt D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Bảo Ng (con gái), sinh ngày 19/10/2009. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Vợ chồng không có con nuôi, con riêng, hiện chị N không có thai nghén.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

3/ Về tài sản chung riêng, công nợ và công sức đóng góp: chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Việt D thống nhất tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết.

4/ Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Đặng Thị N, anh Nguyễn Việt D mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm lăm mười nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N nộp toàn bộ án phí, được đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0000722 ngày 31/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Án xử công khai sơ thẩm chị N, anh D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THA dân sự thành phố P;
- UBND xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Phạm Duy